

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được khái niệm, đặc điểm, quá trình hình thành và phát triển làng nghề.
- Phân tích được vai trò của làng nghề, thực trạng và định hướng phát triển làng nghề; tác động của làng nghề đến kinh tế, xã hội và tài nguyên, môi trường.
- Liên hệ được thực tế ở địa phương.

2. Năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ tự học: tự thực hiện được các nhiệm vụ học tập trên lớp và ở nhà.
 - + Giao tiếp và hợp tác: đánh giá được mức độ đạt mục đích của cá nhân, của nhóm và nhóm khác; rút kinh nghiệm cho bản thân và góp ý được cho từng người trong nhóm.
 - + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; đề xuất và lựa chọn được giải pháp phù hợp nhất.
- Năng lực đặc thù:
 - + Nhận thức khoa học địa lí: phân tích được vai trò của làng nghề, thực trạng và định hướng phát triển làng nghề; tác động của làng nghề đến kinh tế, xã hội và tài nguyên, môi trường.
 - + Tìm hiểu địa lí: tìm kiếm các thông tin văn bản phù hợp với nội dung nghiên cứu; nhận xét, phân tích được các biểu đồ, bảng số liệu thống kê về làng nghề.
 - + Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: tìm kiếm được thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật số liệu về số lượng, vai trò, công nghệ sản xuất của làng nghề; liên hệ thực tế địa phương để làm sáng rõ hơn về làng nghề.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: Yêu quê hương, đất nước, tự hào về văn hóa, truyền thống của dân tộc.
- Trách nhiệm: Tôn trọng, có ý thức quảng bá sản phẩm của các làng nghề.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Máy tính, TV.
- Tranh ảnh, video clip về làng nghề ở Việt Nam.
- Thông tin, tư liệu về làng nghề ở Việt Nam.
- Chuyên đề học tập Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống).

2. Học sinh

Chuyên đề học tập Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống).

II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. Ổn định lớp

B. Bài mới

1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu:

- Khơi gợi tính tích cực học tập của HS.
- Kết nối kiến thức, kinh nghiệm đã có của HS với nội dung chuyên đề.

b) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện kĩ thuật dạy học động não.

- Bước 1: GV yêu cầu HS kể tên một số làng nghề tại địa phương và cho biết sản phẩm của các làng nghề đó.

SẢN PHẨM DỰ KIẾN

- Làng nghề truyền thống dệt Duy Trinh: sản phẩm chủ yếu là khố, may quần áo, dây đeo, túi xách, ví...
- Làng nghề truyền thống đan lát ở Ngõm Thung: sản phẩm tiện ích, gắn liền với văn hóa dân tộc Tây Nguyên như thùng, rổ, guì, nhà rông, rá,...
- Làng nghề truyền thống Trồng Lâm Yên, Đại Minh: Làm các loại Trống

- Làng Bánh Tráng Đại Lộc: tạo ra các loại sản phẩm đặc trưng từ gạo,...

- Bước 2: HS suy nghĩ tìm câu trả lời.

- Bước 3: GV gọi một số HS giơ tay nhanh nhất trả lời.

- Bước 4: Từ câu trả lời của HS, GV dẫn vào bài.

2. Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới

2.1. Tìm hiểu những vấn đề chung về phát triển làng nghề

a) Mục tiêu: Trình bày được khái niệm, đặc điểm, quá trình hình thành và phát triển làng nghề.

b) Tổ chức thực hiện: Giáo viên thực hiện kỹ thuật think – pair – share.

- Bước 1: GV cung cấp thông tin cho HS: hình ảnh, các nhận định, đánh giá về hoạt động sản xuất, kinh doanh, một số làng nghề tiêu biểu của Việt Nam:

Một số làng nghề tiêu biểu của Việt Nam

- Làng gốm Bát Tràng ở xã Bát Tràng, huyện Gia Lâm, Hà Nội với hơn 500 năm lịch sử. Nơi đây giữ gìn nghề truyền thống qua các thế hệ, tạo ra các sản phẩm gốm sứ độc đáo, được biết đến trong và ngoài nước.

- Làng lụa Hà Đông là làng nghề dệt lụa tơ tằm lâu đời, có lịch sử hàng trăm năm. Lụa Vạn Phúc có những mẫu hoa văn lâu đời nhất Việt Nam. Mặt hàng dệt tơ lụa Vạn Phúc có nhiều loại: lụa, là, gấm, vóc, vân, the, lĩnh, bằng, quế, đoạn, sa, kì, cầu, đũi.

- Làng tranh dân gian Đông Hồ ở xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Nét đặc trưng của tranh dân gian Đông Hồ nằm ở bố cục tranh, giấy in, màu sắc hài hoà và mang nét đặc trưng riêng. Người làng Hồ đã biết vận dụng, chắt lọc từ những chất liệu thiên nhiên để tạo nên những sắc màu truyền thống vừa tươi vừa có độ bền màu, như màu xanh chiếc ra từ giồng, màu chàm của cây chàm hay màu đỏ thắm từ cây vàng.

- Làng đá mỹ nghệ Non Nước ở phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Nguyên liệu để làm ra các sản phẩm mỹ nghệ là đá cẩm thạch trước đây được khai thác ở núi Ngũ Hành Sơn. Đá núi Ngũ Hành Sơn nhiều vân ngũ sắc, vẻ đẹp cao sang, là mặt hàng được ưa chuộng trong xây dựng và kiến trúc.

- Làng trồng Dâu Tằm ở huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam là biểu tượng với lịch sử 1 000 năm làm trồng. Trồng Dâu Tằm độc đáo với độ bền, đẹp, và hình dáng tròn,... đã vượt biên giới, tiêu thụ tới các quốc gia châu Âu.

- Làng nghề làm muối Tuyết Diêm ở xã Xuân Bình, Sông Cầu, Phú Yên đã trải qua hơn 300 năm.

- Làng thúng chai Phú Yên đang phát triển mạnh mẽ, xuất khẩu sang nhiều quốc gia như Thái Lan, Thụy Sĩ. Làng nghề sử dụng nguyên liệu địa phương: tre, dầu rái,...

- Làng làm cói Kim Sơn ở huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, nổi tiếng với nghề trồng và làm cói, có lịch sử hơn 100 năm. Sản phẩm đa dạng, đẹp mắt hiện đã có mặt ở hơn 20 quốc gia và vùng lãnh thổ trên khắp thế giới. Trong huyện Kim Sơn, 100% người dân tham gia nghề làm cói, giúp giải quyết vấn đề việc làm cho cộng đồng.

- Làng nghề đồ gỗ mỹ nghệ Đồng Kỵ ở xã Đồng Quang, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh cung cấp các sản phẩm đồ gỗ mỹ nghệ cao cấp dùng cho nhu cầu sinh hoạt, trang trí nội thất hay lễ thờ cúng,... Làng nghề tạo việc làm cho người dân, thu hút thợ lành nghề từ khắp nơi và mang lại thu nhập cao.

- Làng nghề kim hoàn Kế Môn ở huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế có truyền thống hơn 300 năm. Sản phẩm đa dạng vòng: kiềng, nhẫn, lắc, dây chuyền, khuyên tai, được làm từ vàng hoặc bạc. Chất lượng xuất sắc, được chế tác bởi những nghệ nhân giàu kinh nghiệm, tay nghề tinh xảo và khả năng sáng tạo trong chạm khắc. Điều này được thể hiện rõ nhất trên các sản phẩm trang sức như vòng, khuyên tai, dây đeo,... bằng bạc, vàng,...

GV hướng dẫn HS dựa vào hiểu biết của mình và thông tin được cung cấp, trình bày hiểu biết của em về khái niệm, đặc điểm, quá trình hình thành và phát triển làng nghề ở Việt Nam.

- Bước 2: Học sinh hoàn thành bài tập nhận thức của mình. Sau đó trao đổi với bạn cặp đôi để hoàn thiện bài tập.

- Bước 3: Giáo viên chỉ định đại diện một nhóm trình bày nội dung trước lớp, các nhóm khác bổ sung.

- Bước 4: Giáo viên nhận xét nội dung trả lời của các nhóm.

SẢN PHẨM DỰ KIẾN

I. Những vấn đề chung

1. Khái niệm

- Làng nghề là một hoặc nhiều cụm dân cư cấp thôn, ấp, bản, làng, buôn, phum, sóc hoặc các điểm dân cư tương tự tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn.
- Làng nghề truyền thống là làng nghề có nghề truyền thống được hình thành từ lâu đời.
- Tiêu chí xác định làng nghề:
 - + Có tối thiểu 20% số hộ trên địa bàn tham gia.
 - + Có tối thiểu 2 năm liên tục sản xuất kinh doanh ổn định.
 - + Đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định hiện hành.

Đối với làng nghề truyền thống, ngoài những tiêu chí trên, phải có ít nhất một nghề truyền thống với 3 tiêu chí: nghề đã xuất hiện tại địa phương từ trên 50 năm và đang tiếp tục phát triển; nghề tạo ra sản phẩm mang bản sắc văn hoá dân tộc; nghề gắn với tên tuổi của một hay nhiều nghệ nhân hoặc tên tuổi của làng nghề.

2. Đặc điểm làng nghề

a) Làng nghề Việt Nam là một bộ phận của kinh tế nông thôn và gắn bó với sản xuất nông nghiệp

- Nghề thủ công bắt đầu từ nông nghiệp và gắn với phân công lao động ở nông thôn. Lao động trong các làng nghề chủ yếu là lao động trong gia đình.
- Hoạt động của làng nghề vừa mang tính chất ngành nghề vừa có tính lãnh thổ.

b) Nguồn nguyên liệu của làng nghề thường là tại chỗ, đặc biệt là các làng nghề truyền thống

- Nơi ở của các hộ gia đình cũng thường là nơi sản xuất của làng nghề, không gian chung của làng cũng chính là nơi sản xuất, trưng bày và buôn bán sản phẩm làng nghề.
- Hầu hết các làng nghề truyền thống được hình thành xuất phát từ nguồn nguyên liệu sẵn có tại địa phương.

c) Ở các làng nghề đã có sự kết hợp giữa công nghệ truyền thống và công nghệ mới trong sản xuất

- Công nghệ truyền thống của làng nghề là những kỹ thuật sản xuất do chính người lao động trong làng nghề tạo ra. Sản phẩm của làng nghề thường mang những đặc trưng riêng biệt.
- Các làng nghề đã tìm cách kết hợp những kỹ thuật sản xuất truyền thống với các công nghệ tiên tiến để tạo ra các sản phẩm chất lượng cao và đáp ứng được nhu cầu thị trường.

d) Hình thức tổ chức sản xuất của làng nghề ngày càng phong phú hơn

- Đa số cơ sở sản xuất kinh doanh ở làng nghề là hộ gia đình.
- Tại một số làng nghề lớn đã xuất hiện các mô hình sản xuất khác như tổ hợp tác, hợp tác xã,...
- Các công ty, các doanh nghiệp công nghiệp ở nông thôn được phát triển ở những làng nghề có khả năng đổi mới công nghệ.
- Cụm công nghiệp làng nghề là một mô hình sản xuất mới tại các làng nghề của nước ta.

e) Thị trường tiêu thụ sản phẩm làng nghề ngày càng được mở rộng

- Các làng nghề khi mới hình thành, chủ yếu phục vụ nhu cầu tiêu dùng tại chỗ ở vùng nông thôn.
- Thị trường tiêu thụ cho các làng nghề được mở rộng, bao gồm cả thị trường trong và ngoài nước.
- Thị trường tiêu thụ đang được mở rộng thông qua các kênh bán hàng trực tuyến, sàn thương mại điện tử.
- Sự phát triển của ngành du lịch tạo ra nhiều cơ hội cho thị trường tiêu thụ của làng nghề.

3. Quá trình hình thành và phát triển làng nghề Việt Nam

a) Quá trình hình thành

- Các làng nghề truyền thống nước ta đều ra đời ở nông thôn và tách dần từ nông nghiệp.
 - Quá trình hình thành và phát triển làng nghề có thể được khái quát theo sơ đồ dưới đây.
- Hộ nông nghiệp => hộ nông nghiệp + nghề phụ => hộ chuyên nghề => phường nghề => làng nghề, xã nghề.

b) Lịch sử phát triển

- Từ thời kì Phùng Nguyên (3 000 năm TCN): phát triển 7 nhóm nghề thủ công lớn: nghề luyện kim, nghề chế tạo đồ gốm, nghề chế tạo thủy tinh, nghề mộc và sơn, nghề dệt vải, nghề đan lát và nghề chế tác đá.
- Thời Lý – Trần (thế kỉ XI – XIV): Các ngành nghề phát triển mạnh: nghề gốm, kiến trúc xây dựng, chạm khắc gỗ và đá, sơn, giấy dó, dệt tơ lụa, đúc đồng, kim hoàn, đóng thuyền,...
- Thời Lê, Mạc (thế kỉ XV – XVII): 36 phố phường của Kinh thành Thăng Long hình thành với các

phường nghề như: phường làm giấy dó Yên Thái, phường dệt vải lụa Nghi Tàm, phường đúc đồng Ngũ Xá, phường Hàng Bạc, phường Hàng Trống,...

- Trong thời kì Trịnh – Nguyễn phân tranh (thế kỉ XVI – XVII): Thủ công nghiệp mang tính chất nghề phụ vẫn tiếp tục phát triển ở cả Đàng Trong và Đàng Ngoài. Xuất hiện nhiều làng nghề thủ công có nguồn gốc từ miền Bắc như: đúc đồng Phước Kiều (Quảng Nam), mộc Kim Bồng (Quảng Nam), đá mỹ nghệ Non Nước (Đà Nẵng), sơn mài Tân Bình Hiệp (Bình Dương),...

- Thời Pháp thuộc (1858 – 1945): Một số trung tâm sản xuất thủ công mỹ nghệ đã hình thành ở các tỉnh, thành phố như Hà Nội, Nam Định, Thái Bình, Hải Dương, Bắc Ninh, Thanh Hoá, Quảng Nam, Quy Nhơn, Phan Thiết, Sài Gòn, Biên Hoà,...

- Từ năm 1945 đến nay: Làng nghề Việt Nam đã trải qua những giai đoạn phát triển thăng trầm khác nhau, gắn liền với sự biến động của thị trường trong và ngoài nước, sự chuyển đổi trong cơ chế quản lí cùng với chính sách phát triển các thành phần kinh tế của Nhà nước.

2.2. Tìm hiểu sự phát triển làng nghề và các tác động

a) Mục tiêu:

- Phân tích được vai trò của làng nghề, thực trạng và định hướng phát triển làng nghề; tác động của làng nghề đến kinh tế, xã hội và tài nguyên, môi trường.

- Liên hệ được thực tế ở địa phương.

b) Tổ chức thực hiện: GV sử dụng phương pháp dạy học tình huống.

- Bước 1: GV nêu tình huống. *Em là nhà nghiên cứu về làng nghề của Việt Nam đã có nhiều năm tìm hiểu về sự phát triển làng nghề trên khắp cả nước. Em cùng các cộng sự của mình tham gia Hội thảo “Phát triển làng nghề Việt Nam và các tác động”. Nhóm sẽ trình bày những nội dung gì tại hội thảo đó?*

GV gợi ý HS tìm hiểu thông tin theo cấu trúc nội dung như SGK, có liên hệ một làng nghề.

- Bước 2: HS làm việc theo nhóm tại lớp.

+ Thảo luận kế hoạch làm việc, dàn ý bài trình bày.

+ Trao đổi, tìm kiếm thông tin.

+ Lựa chọn cách trình bày và hình thức sản phẩm. Hoàn thiện bài trình bày.

- Bước 3: Tiết học báo cáo: Tổ chức Hội thảo “Phát triển làng nghề Việt Nam và các tác động”. GV làm MC, dẫn dắt hội thảo. Đại diện một số nhóm báo cáo. Các nhóm khác trao đổi và đặt câu hỏi.

- Bước 4: GV tổng kết, đánh giá sản phẩm và quá trình làm việc của HS. HS tự hoàn thiện sản phẩm và lưu thành tài liệu học tập.

SẢN PHẨM DỰ KIẾN

1. Vai trò của làng nghề

- Làng nghề góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho dân cư nông thôn.

- Sản xuất làng nghề tạo ra khối lượng hàng hoá đa dạng, phong phú phục vụ cho tiêu dùng và xuất khẩu.

- Làng nghề góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hoá.

- Phát triển làng nghề góp phần giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc.

2. Thực trạng và định hướng phát triển làng nghề

a) Thực trạng

- Nước ta có số lượng làng nghề lớn, cơ cấu làng nghề đa dạng.

- Đa số các làng nghề nước ta có quy mô nhỏ, chủ yếu là hộ gia đình (98%), trình độ sản xuất thấp, nằm xen kẽ tại các khu dân cư (trên 70%).

- Nguyên, vật liệu cho các làng nghề chủ yếu được khai thác ở các địa phương trong nước.

- Các làng nghề sử dụng chủ yếu là lao động thủ công.

- Cách thức tổ chức sản xuất kinh doanh tại các làng nghề khá đa dạng nhưng phần lớn các cơ sở sản xuất làng nghề vừa sản xuất vừa tự tiêu thụ (khoảng 82%), gia công cho các hộ sản xuất khác (15%).

- Số hộ và cơ sở ngành nghề ở nông thôn tăng lên, tốc độ bình quân khoảng 8,8 - 9,8%/năm.

- Làng nghề phân bố không đều theo lãnh thổ, tập trung chủ yếu ở các tỉnh miền Bắc.

- Một số nhóm làng nghề chủ yếu:

+ Nhóm làng nghề chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản.

• Nhóm làng nghề này có số lượng làng nghề khá lớn, chiếm 32,8% tổng số làng nghề.

• Sản phẩm của nhóm làng nghề này khá đa dạng như: bánh đa, bánh đậu xanh, bánh tráng, rượu nếp, dầu mè, đậu phộng, bánh pía, miến dong, nước mắm, tương, cá hấp,...

- Nhóm các làng nghề này cũng là nhóm làng nghề có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường tại các vùng nông thôn nước ta.

- + Nhóm làng nghề sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ.

- Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ chủ yếu dựa vào sự khéo léo và sáng tạo của người thợ, người nghệ nhân.

- Quy trình sản xuất gần như không thay đổi, lao động thủ công nhưng đòi hỏi tay nghề cao, chuyên môn hoá, tỉ mỉ và sáng tạo.

- Những thách thức lớn nhất đối với làng nghề này là khả năng tiếp cận thị trường, xây dựng thương hiệu, thiết kế sản phẩm.

- + Nhóm làng nghề sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ.

Đây là nhóm làng nghề chiếm tỉ trọng lớn về số lượng với 935 làng nghề (47,9% tổng số làng nghề năm 2021).

Quá trình sản xuất và phát triển của các làng nghề này đều mang tính kế thừa qua các thế hệ.

Sự phát triển của các làng nghề này đã đóng góp không nhỏ cho quá trình phát triển kinh tế, văn hoá, tạo sản phẩm cho xã hội và việc làm cho người dân.

b) Định hướng phát triển

- Xây dựng kế hoạch khôi phục, bảo tồn đối với nghề truyền thống, làng nghề truyền thống.

- Phục hồi, tôn tạo các di tích liên quan đến giá trị văn hoá nghề, làng nghề truyền thống.

- Việc phát triển làng nghề cần gắn với thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế, phù hợp với chiến lược và định hướng phát triển kinh tế – xã hội bền vững.

- Khôi phục, bảo tồn, lưu giữ nét văn hoá truyền thống trong sản phẩm, bí quyết nghề, đồng thời thiết kế những sản phẩm mới phù hợp với thị trường, nâng cao năng lực sản xuất, tiêu thụ.

- Phát triển ngành nghề sản xuất, kinh doanh các sản phẩm theo nhu cầu của thị trường, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Huy động tối đa các nguồn lực xã hội và sự hỗ trợ của Nhà nước để bảo tồn và phát triển làng nghề.

3. Tác động của làng nghề đến phát triển kinh tế – xã hội và tài nguyên, môi trường

a) Tác động đến phát triển kinh tế – xã hội

- Tác động tích cực:

- + Góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương, chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- + Tạo ra các sản phẩm xuất khẩu, thu ngoại tệ.

- + Tạo ra nhiều việc làm, tăng thu nhập cho lao động nông thôn.

- + Thúc đẩy hiện đại hoá, đô thị hoá khu vực nông thôn.

- + Tình hình an ninh chính trị được đảm bảo.

- + Góp phần quan trọng trong bảo tồn văn hoá dân tộc.

- Tác động tiêu cực:

- + Cạnh tranh không lành mạnh, dẫn đến việc giảm giá sản phẩm và thu nhập của người thợ.

- + Tạo ra sự chênh lệch trong thu nhập giữa người thợ làm thuê và người chủ hoặc thương nhân.

- + Tạo ra áp lực xã hội đối với những người làm việc trong làng do phải tuân theo các quy tắc và truyền thống cụ thể.

b) Tác động đến tài nguyên, môi trường

- Tác động tích cực:

- + Tận dụng tài nguyên tại chỗ và giảm thiểu chi phí vận chuyển và nhập khẩu.

- + Thúc đẩy các hình thức sản xuất bền vững và thân thiện với môi trường, giúp bảo tồn tài nguyên và giảm áp lực lên môi trường tự nhiên.

- Tác động tiêu cực:

- + Khai thác tài nguyên tự nhiên quá mức có thể gây cạn kiệt tài nguyên.

- + Ô nhiễm môi trường.

2.3. Thực hành tìm hiểu làng nghề ở địa phương

a) Mục tiêu:

- Thu thập, chọn lọc, xử lý thông tin về một làng nghề ở địa phương.

- Rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

b) Tổ chức thực hiện: Giáo viên thực hiện kỹ thuật think – pair – share.

- Bước 1: GV cho các cặp HS tự chọn một làng nghề và thiết kế sản phẩm học tập.
- Bước 2: HS làm việc theo cặp, thu thập thông tin, hoàn thành sản phẩm của nhóm mình.
- Bước 3: Đại diện một số cặp HS trình bày và giới thiệu sản phẩm, các cặp HS khác bổ sung, nhận xét.
- Bước 4: GV đánh giá, tổng kết.

SẢN PHẨM DỰ KIẾN
LÀNG GỐM THANH HÀ – HỘI AN – ĐÀ NẴNG Làng gốm Thanh Hà nằm bên sông Thu Bồn, cách trung tâm Hội An khoảng 3 km, là một làng nghề truyền thống nổi tiếng của Quảng Nam cũ. Làng được hình thành từ khoảng thế kỷ XVI–XVII do các thợ thủ công từ Thanh Hóa, Nghệ An vào lập nghiệp và mang theo nghề gốm. Trong lịch sử, làng từng phát triển hưng thịnh, sản xuất nhiều sản phẩm như gạch, ngói, đồ gia dụng phục vụ xây dựng và đời sống cư dân vùng miền Trung, thậm chí được xem là “thổ sản” nổi tiếng thời Nguyễn. Trải qua biến động, nghề gốm có thời kỳ suy giảm mạnh, đến đầu những năm 2000 chỉ còn rất ít hộ duy trì sản xuất. Từ năm 2001–2004, chính quyền địa phương triển khai dự án khôi phục làng nghề gắn với phát triển du lịch, tạo bước ngoặt quan trọng giúp làng hồi sinh. Hiện nay, làng gốm Thanh Hà đã trở thành điểm du lịch làng nghề tiêu biểu, thu hút hàng trăm nghìn lượt khách mỗi năm và được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia (2019). Sản phẩm chính: • Đồ gốm gia dụng: chum, vại, nồi, bát... • Vật liệu xây dựng: gạch, ngói truyền thống • Đồ mỹ nghệ, quà lưu niệm, tượng trang trí • Sản phẩm sáng tạo phục vụ du lịch trải nghiệm Đặc điểm nổi bật là sản xuất hoàn toàn thủ công, không dùng bàn xoay mà dùng tay và bàn xoay thô sơ, giữ nguyên màu đất nung đặc trưng. Hướng phát triển: • Gắn bảo tồn nghề truyền thống với phát triển du lịch cộng đồng • Đổi mới mẫu mã, nâng cao giá trị sản phẩm thủ công • Thu hút thế hệ trẻ kế thừa nghề • Kết nối với các tuyến du lịch văn hóa – sinh thái Hội An • Phát triển bền vững gắn với bảo tồn di sản và môi trường → Nhìn chung, làng gốm Thanh Hà vừa giữ gìn giá trị văn hóa lâu đời, vừa thích ứng với kinh tế du lịch hiện đại, trở thành điểm đến hấp dẫn của Hội An.

3. Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu: Sử dụng kiến thức đã học để sơ đồ hoá thông tin.

b) Tổ chức thực hiện:

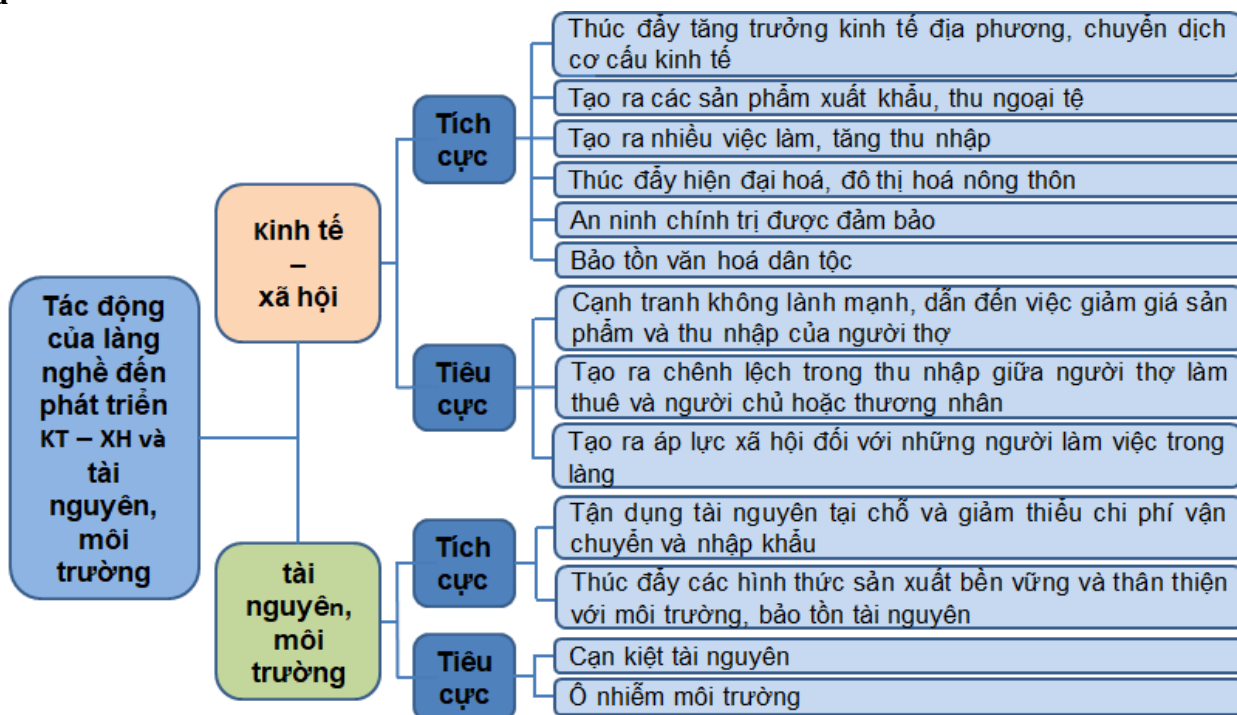
- Bước 1: GV hướng dẫn HS thực hiện 2 nhiệm vụ trong phần luyện tập.
- Bước 2: HS tự làm bài vào vở. GV quan sát, góp ý cho HS.
- Bước 3: Một HS trình bày, các HS khác nhận xét, bổ sung.
- Bước 4: GV đánh giá và tổng kết.

SẢN PHẨM DỰ KIẾN

1. Ý nghĩa của việc bảo tồn và phát triển làng nghề

- Giữ gìn và phát huy các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống của làng nghề Việt Nam;
- Thúc đẩy phát triển sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh, giá trị gia tăng cho các sản phẩm làng nghề;
- Tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân;
- Bảo vệ cảnh quan, không gian và môi trường, xây dựng các khu dân cư, làng văn hóa, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn bền vững.

2. Sơ đồ thể hiện tác động của làng nghề đến kinh tế - xã hội và tài nguyên, môi trường ở nước ta



4. Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề của làng nghề tại địa phương.

b) **Tổ chức thực hiện:**

- Bước 1: GV gợi ý để HS sáng tạo một bài giới thiệu, quảng bá,... về một sản phẩm của một làng nghề ở nước ta đến du khách quốc tế.
- Bước 2: HS tự làm tại nhà.
- Bước 3: HS nộp sản phẩm cho GV.
- Bước 4: GV đánh giá và cho điểm.

SẢN PHẨM DỰ KIẾN

LÀNG NÓN CHUÔNG

Làng nón Chuông tọa lạc tại xã Quốc Trung, huyện Thanh Oai cách trung tâm thủ đô Hà Nội khoảng 30 km. Làng Chuông thường được biết với tên gọi khác là làng nón lá Thanh Oai với diện tích trên 481 ha gồm 8 thôn dân cư là Tây Sơn, Liên Tân, Quang Trung, Mã Kiều, Chung Chính, Tân Tiến, Tân Dân 1 và Tân Dân 2. Là một làng nghề ở Hà Nội lâu đời, từ thế kỉ thứ 8 thì làng đã bắt đầu sản xuất nón. Trong thời kỳ phát triển, làng Chuông Hà Nội là nơi cung cấp nhiều loại nón truyền thống như nón quai thao, nón lá giá ghép sống. Trong đó, quai thao sử dụng để người già đi chùa chiền. Còn nón lá giá ghép sống phục vụ những người phụ nữ làm công việc đồng áng. Hàng trăm năm đi qua, nghề đan nón lá tại làng Chuông ngày một thịnh vượng. Nghề đan nón đã truyền qua nhiều thế hệ và là một trong những chiếc nôi sản xuất nón lá nổi tiếng nhất Hà Thành. Hiện tại, có hơn 4000 hộ dân ở làng Chuông đan nón lá đem đến những sản phẩm giá rẻ, mẫu mã phong phú cho khách hàng trong nước và quốc tế.

Nguyên liệu chính để làm cái nón lá là lá cọ tươi nhập từ một số tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, còn chỉ và khung nón đan bằng nan tre có ở địa phương. Để tạo ra nón đẹp trước hết cần có khung vững chắc. Khung chủ yếu được đan bởi nan nửa và vật liệu này có nhiều dọc hai bờ đê sông Đáy. Người thợ cần quấn đủ 16 vành trong xếp tầng từ trên xuống dưới theo một kích thước nhất định. Các bước

tiếp theo là khâu lá vào khung và đan nhôi nón. Cái tài của người thợ làng Chuông là các mối kết nối dây đan đều giấu kín bằng từng đường chỉ tinh tế. Sợi dây đan theo các đường kim với 16 lớp vòng thì chiếc nón mới thành hình. Khi chiếc nón đã đan xong, người ta hơi với hơi diêm để làm màu nón trở nên trắng và giữ nón không ẩm mốc. Trong khi làm nón, các cô gái làng Chuông trang trí thêm bằng việc dán vào thân nón những họa tiết hoa bằng giấy đủ màu. Tinh tế hơn là dùng chỉ màu may chéo ở hai điểm đối diện trong lòng nón để sau đó có thể gắn quai nón bằng những dải lụa mềm, nhiều màu sắc, làm tôn lên nét duyên dáng của mỗi cô gái dưới vành nón.

Đến nơi đây, ngoài khám phá nghề làm nón làng Chuông xưa, du khách còn có thể trải nghiệm nhiều hoạt động khác như lễ hội làng Chuông, hội chợ làng Chuông là địa điểm hội tụ và diễn ra nhiều hoạt động văn hoá dân gian trong vùng, là nơi để du khách có thể đi đi chơi, để xem trò chơi dân gian độc đáo là đánh cờ nghệ thuật và thổi cơm thi. Bên cạnh đó còn được tham quan các công trình như đình làng Chuông có kiến trúc kiểu “nội công ngoại quốc” đặc trưng triều Nguyễn, chùa làng nón Chuông khoác trên mình một nét cổ kính nhuộm màu thời gian mang đặc trưng của những ngôi làng cổ ở Hà Nội.

C. Hướng dẫn về nhà

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới.